

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẠM TẤU  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST  
Ngày: 26-4-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Phương Thảo
2. Bà Hà Thị Lan Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ A Say – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trại Tầu, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trại Tầu tham gia phiên tòa:**  
Bà Hà Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trại Tầu, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng chính sách xã hội V, trụ sở đóng tại số 169, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; người đại diện cho Ngân hàng chính sách xã hội V: Ông Phạm Thành L - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19-9-2019 của tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án.

Địa chỉ phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T; tổ dân phố số 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Yên Bái. (ông Long có mặt)

*2. Bị đơn:* Bà Thảo Thị X, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

*3. Người làm chứng:* Ông Giàng A Ch, sinh năm 1977; địa chỉ thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

4. Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Mùa A L- Cán bộ chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, ông Phạm Thành L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Ngân hàng chính sách xã hội V) trình bày:*

Tháng 7 năm 2015 ông Giàng A K và bà Thào Thị X đã lập hồ sơ vay vốn, khi lập hồ sơ bà X là người thừa kế. Trong quá trình lập hồ sơ vay vốn ông Giàng A K đã khai báo, hoàn thiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ và có sự chứng kiến của tổ trưởng tổ tiết kiệm nhưng do bà Thào Thị X không biết chữ và do không có sẵn hợp dấu lấy dấu vân tay nên ông Giàng A K ký thay, ký hộ bà Thào Thị X trên mục người ủy quyền (do đã được sự nhất trí của bà X dưới sự chứng kiến của tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn thôn K). Sau đó bộ hồ sơ của gia đình ông K được tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn thôn K cùng tổ chức Hội cựu chiến binh xã T họp bình xét và trình UBND xã xác nhận cho vay chương trình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn. Khi tiếp nhận hồ sơ và giải ngân Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện T chỉ kiểm tra tính chính xác chữ ký người vay (quy định về hồ sơ cho vay ủy thác). Căn cứ vào danh sách hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn đề nghị vay vốn ngân hàng chính sách xã hội huyện T ngày 25/7/2015 được UBND xã T phê duyệt ngày 27/7/2015. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện T đã chấp thuận và giải ngân cho ông Giàng A K, người thừa kế là bà Thào Thị X vay số tiền 30.000.000 đồng theo sổ sổ vay vốn 1900072116, lãi suất 0,75%/tháng (9%/năm), thời hạn cho vay 60 tháng, thời hạn trả nợ ngày 30/7/2020.

Đến ngày 01/12/2016 ông Giàng A K chết do tai nạn xe máy người thừa kế là bà Thào Thị X nhận nợ và bà X đã trả lãi hết tháng 12/2016; năm 2017 thì bà X đã trả được 277.000 tiền lãi; sau đó thì bà X dừng không trả lãi theo hợp đồng mặc dù đã được ban quản lý tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn cùng tổ chức hội nhận ủy thác nhắc nhở nhiều lần. Đến hết thời hạn trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện T đã phối hợp cùng UBND xã, tổ chức hội nhận ủy thác, ban quản lý tổ tiết kiệm vay vốn đã làm việc và đôn đốc hộ vay trả nợ nhiều lần (có biên bản các lần làm việc kèm theo) tuy nhiên bà Thào Thị X vẫn không trả nợ vì vậy gia đình bà Thào Thị X đã vi phạm cam kết trên đơn vay vốn (Mẫu số 01/TD). Đến ngày 30/7/2020 Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện T đã chuyển số tiền 30.000.000 đồng sang nợ quá hạn. Tính đến ngày khởi kiện thì số tiền trên đã quá hạn hơn 3 tháng nhưng bà Thào Thị X vẫn không trả nợ cho NHCSXH huyện T. Đặc biệt ngày 26/11/2020 Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T có phối hợp với các tổ chức chính trị- xã hội cấp huyện và tổ đôn đốc thu hồi công nợ xã T có làm việc với bà Thào Thị X để đôn đốc hộ vay trả nợ theo hợp đồng, nhưng bà Thào Thị X cố tình trây ỳ không trả nợ mặc dù biết và công nhận gia đình có vay vốn tại Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện T số tiền trên.

Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trầm Thủy buộc bà Thảo Thị X phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện T số tiền gốc là 30.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính đến ngày 04/3/2021 là 11.686.250 đồng (trong đó lãi trong hạn là: 9.570.500 đồng, lãi quá hạn là 2.115.750 đồng). Tổng số tiền cả gốc và lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn) tạm tính đến ngày 04/3/2021 bà Thảo Thị X phải thanh toán là: 41.686.250 đồng. Và số tiền lãi phát sinh cho đến khi bà Thảo Thị X trả nợ xong cho Ngân hàng.

*Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Thảo Thị X trình bày:*

Trước năm 2015 bà và ông K có vay ngân hàng chính sách xã hội huyện T 15.000.000 đồng, số tiền này bà và ông K đã mua 01 con trâu nuôi được khoảng 02 năm thì mẹ đẻ ông K chết, nên vợ chồng đã mổ con trâu này để làm ma cho mẹ đẻ ông K; đến hạn phải trả ngân hàng, vợ chồng không có tiền trả nên ông K đã làm thủ tục đáo hạn khoản vay 15.000.000 đồng và vay thêm 15.000.000 đồng. Tổng hai lần vay là 30.000.000 đồng, số tiền vay thêm lần hai ông K đã mua 01 máy tách ngô để gia đình đi tách ngô thuê tăng gia sản xuất. Năm 2016 ông K bị tai nạn chết nên không có người làm, bà đã bán chiếc máy tách ngô được 8.000.000 đồng. Sau khi ông K chết, bà X đã trả lãi đến hết năm 2016, tháng 01 năm 2017 mới trả lại cho ngân hàng được 200.000 đồng, sau đó bà có nhờ anh C là tổ trưởng tổ vay vốn thôn K, xã T trả cho ngân hàng tổng cộng 03 với số tiền là 77.000 đồng, sau đó bà đã trả cho ông C 77.000 đồng, kể từ đó đến nay bà không trả lãi nữa, vì gia đình gặp khó khăn nên không trả lãi được.

Ngân hàng chính sách xã hội V đề nghị Tòa án buộc bà phải có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền gốc là 30.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính đến ngày 04/3/2021 là 11.686.250 đồng (trong đó lãi trong hạn là: 9.570.500 đồng, lãi quá hạn là 2.115.750 đồng). Bà X xác nhận bà và ông K có nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện T 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà chỉ đồng ý trả Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện T số tiền gốc là 30.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền lãi tạm tính đến ngày 04-3-2021 là 11.686.250 đồng và lãi suất phát sinh bà không đồng ý trả. Lý do bà X không đồng ý trả lãi cho ngân hàng có ba lý do sau: Một là do lúc vay lần hai vào năm 2015, vay 15.000.000 đồng bà không đồng ý vay, nhưng ông K vẫn vay để mua máy tách ngô; hai là xã gọi bà và một số chị em phụ nữ trong thôn đến yêu cầu trả lãi cho ngân hàng thì có một số chị em phụ nữ đề nghị ngân hàng xóa nợ nhưng xã không đồng ý; ba là có một số chị em phụ nữ sau khi vay vốn đã bỏ đi Trung Quốc hiện nay cũng vẫn chưa trả nợ cho ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người làm chứng Giàng A C trình bày: Năm 2015 tôi là tổ trưởng tổ vay vốn thôn K, xã T, khi họp bình xét hộ vay vốn có 25 hộ thuộc diện được vốn NHCSXH huyện T trong đó có hộ ông Giàng A K và bà Thảo Thị X, sau khi bình xét tôi đưa hồ sơ cho ông K và bà X cùng ký, khi nhận hồ sơ tôi hỏi ông K là bà X có biết chữ không mà lại ký được chữ ký, ông K cho biết bà X không biết ký nên nhờ người khác ký hộ nhưng

được sự đồng ý của bà X. Sau đó hộ gia đình ông K được NHCSXH huyện cho vay 30.000.000 đồng, khi vay được tiền ông K đã mua một con trâu để tăng gia sản xuất. Đến năm 2016 ông K bị tai nạn chết và bà X là người trả lãi hàng tháng cho NHCSXH huyện Trạm Tấu, bà X trả lãi hết năm 2016, tháng 01/2017 bà X mới trả lãi cho ngân hàng 200.000 đồng, tôi đã trả hộ cho bà X 03 lần tiền lãi tổng cộng là 77.000 đồng và từ đó đến nay X ngừng trả lãi cho ngân hàng, số tiền tôi trả hộ bà X, bà X đã lại cho tôi đủ 77.000 đồng. Tôi đã nhắc nhở bà X nhiều lần thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng nhưng bà X không chấp hành.

Tòa án đã tiến hành hòa giải các bên thống được về số tiền gốc mà bà X còn nợ là 30.000.000 đồng, tuy các bên đương sự không thống nhất được về trả nợ lãi.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà X phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền cả gốc và lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn) tạm tính đến ngày 26-4-2021 là 42.203.000 đồng và số tiền lãi phát sinh cho đến khi bà Thảo Thị X trả nợ xong cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa bị đơn bà Thảo Thị X xác nhận còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội V số tiền gốc là 30.000.000 đồng, tuy nhiên bà X cho rằng số tiền vay lần 2 là 15.000.000 đồng ông K sử dụng vào việc gì bà không biết nên bà không đồng ý trả số tiền này, bà chỉ đồng ý trả cho ngân hàng số tiền vay lần 1 là 15.000.000 đồng; bà không đồng ý trả số tiền lãi tạm tính đến ngày 26-4-2021 là 12.203.000 đồng và số tiền lãi quá hạn cho đến khi trả xong nợ.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn chậm 01 ngày là vi phạm khoản 1 Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 103, 280, 357, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội V, buộc bà Thảo Thị X phải có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện T số tiền gốc 30.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 26-4-2021 là 12.203.000 đồng và kể từ ngày 27-4-2021 bà X phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả nợ xong cho ngân hàng.

Về án phí: Bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội V do ông Phạm Thành L là người đại diện theo ủy quyền khởi kiện yêu cầu Thảo Thị X trả tiền gốc và lãi vay theo hợp đồng, như vậy quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phạm vi khởi kiện đòi tiền gốc và lãi suất theo hợp đồng, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về loại hợp đồng và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng: Ngân hàng chính sách xã hội V cho ông Giàng A K vay 30.000.000 đồng, mục đích vay mua trâu sinh sản, với lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay là 60 tháng; kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/ lần, số tiền trả nợ 6.000.000 đồng/lần. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 30/7/2020, Lãi vay được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.

Ngày 30-7-2015 phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Trạm Tấu đã giải ngân số tiền 30.000.000 đồng. Sau khi được ngân hàng giải ngân bà X và ông K đã mua một con trâu cái về để sinh sản và mua một máy tách ngô; năm 2016 thì ông K bị tai nạn xe máy chết, bà X tiếp tục trả lãi cho ngân hàng đến hết tháng 12 năm 2016; năm 2017 bà đã trả lãi cho ngân hàng tổng được 277.000 đồng, sau đó thì gia đình gặp khó khăn nên bà không tiếp tục trả lãi cho ngân hàng. Như vậy, giữa ngân hàng và ông Giàng A K đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hợp đồng có hiệu lực pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch.

Khi ký kết hợp đồng vay tài sản ông K là người đứng tên vay, số tiền vay ngân hàng ông K và bà X đã mua trâu về sinh sản và 01 mua máy tách ngô, sau khi ông K chết bà X đã bán máy tách ngô được 8.000.000 đồng. Như vậy khoản vay ngân hàng chính sách ông K đứng tên vay là khoản vay chung của vợ chồng nên phát sinh trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do ông K thực hiện theo quy định tại Điều 27 của luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà X thừa nhận bà và ông K có nợ số tiền gốc và lãi như đại diện ngân hàng trình bày, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên bà chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 15.000.000 đồng, bà không đồng ý trả số tiền gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi. Như vậy bị đơn xác nhận có nợ nguyên đơn số tiền gốc và lãi như trình bày của nguyên đơn, đây là

những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về lãi, lãi suất: Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 25/7/2015 thì giữa Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện T và ông Giàng A K đã thỏa thuận lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay; đến 30/7/2020 bà X và ông K chưa trả số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, theo thỏa thuận trong hợp đồng Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện T đã chuyển số tiền này sang lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; thì lãi mà các bên thỏa thuận là 0,75%/tháng tương đương 9%/năm; lãi suất quá hạn là 11,7%/năm. Việc các bên thỏa thuận về lãi và lãi suất là phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trên cơ sở đó, xét yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội V yêu cầu bà Thảo Thị X trả tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26-4-2021 là 12.203.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả nợ xong là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được chấp nhận.

[4] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 147, 235, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội V

Buộc bà Thảo Thị X có trách nhiệm trả Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện T số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi suất đến ngày 26-4-

2021 là 12.203.000 đồng, tổng gốc và lãi là 42.203.000 (*bốn mươi hai triệu hai trăm linh ba nghìn*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền 42.203.000 đồng, theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận tại thời điểm vay là 130% của 0,75%/tháng (tương đương với 11,7%/năm).

## 2. Về án phí:

Bà Thào Thị X phải chịu 2.110.150 (*hai triệu một trăm mười nghìn một trăm năm mươi*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng chính sách xã hội V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND.H Trại Tầu;
- Chi cục THADS huyện Trại Tầu;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Lên**